

## **Cải cách chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp theo nguyên tắc tôn trọng quyền con người**

### **1. Triết lý về nguồn gốc quyền con người**

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa bằng lời bắt hủ của bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Năm 1957, trong tác phẩm nổi tiếng “Atlas nhún vai” (Atlas Shrugged) của mình, nhà văn nổi tiếng người Mỹ Ayn Rand, kế thừa tư tưởng từ bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, cũng khẳng định quan điểm về quyền con người vốn dĩ thuộc về con người mà không phải do thần thánh hay nhà nước ban cho. “Nguồn gốc của quyền con người không phải là luật thần thánh hay luật Quốc hội ban hành, mà là luật đồng nhất. A là A, và Con Người là Con Người. Quyền là điều kiện mà bản chất con người đòi hỏi để có thể tồn tại một cách thích đáng. Ngay khi xuất hiện trên trái đất, mỗi cá nhân đều có quyền sử dụng trí tuệ của mình, làm việc vì các giá trị của mình và giữ lấy sản phẩm do mình tạo ra. Nếu cuộc sống trên trái đất là mục đích thì con người có quyền sống như một thực thể có lý trí: tự nhiên không cho phép con người phi lý trí”<sup>1</sup>.

Ayn Rand cũng đã nói rằng “Tất cả các chế độ trước đó đều coi con người như phương tiện hiển dăng cho mục đích của những người khác, và coi xã hội là mục đích của chính nó. Nước Mỹ thì coi mỗi con người là mục đích của chính mình, còn xã hội như phương tiện để đi đến một sự đồng tồn tại hòa bình, có trật tự, tự nguyện giữa các cá nhân. Tất cả các chế độ trước đó đều cho rằng đời sống của cá nhân thuộc về xã hội, xã hội có thể loại bỏ cá nhân theo bất kỳ cách nào nó muốn; tự do mà cá nhân được hưởng chỉ là nhờ sự ban ơn, sự cho phép của xã hội, và tự

do ấy có thể bị rút lại bất cứ lúc nào. Mỹ cho rằng đời sống của mỗi con người thuộc về chính cá nhân đó, do quyền của cá nhân đó mang lại (nghĩa là: do nguyên tắc đạo đức và do chính bản chất con người của cá nhân mang lại), rằng quyền là tài sản thuộc sở hữu của mỗi cá nhân, xã hội do đó không có quyền gì, và *mục đích đạo đức duy nhất của nhà nước là bảo vệ các quyền cá nhân... Tuyên ngôn nhân quyền được viết ra không phải là để bảo vệ người ta trước các hành động của tư nhân, mà là để chống các hành động của chính phủ*”<sup>2</sup>.

Cũng xuất phát từ triết lý đó, Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người 1948 đã long trọng tuyên bố: “Điều 1: Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm, cũng như quyền lợi. Mọi người đều được phú bẩm về lý trí và lương tâm. Sự đối xử giữa con người với nhau phải được trên tinh thần bác ái. Điều 2: Mọi người đều được hưởng tất cả những quyền và tự do công bố trong Bản Tuyên ngôn này và không có một sự phân biệt nào, như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay tất cả quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nơi sinh, hay tất cả những hoàn cảnh khác. Hơn nữa, cũng không được có sự phân biệt nào đối với con người sống trên một quốc gia hay trên một lãnh thổ, căn cứ trên cơ chế chính trị, nền tảng luật pháp hay quy chế quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ đó. Cho dù quốc gia hay lãnh thổ này độc lập hay dưới sự bảo hộ, không được tự trị hay ở trong tình trạng bị hạn chế về chủ quyền”.

## **2. Quyền con người và hiến pháp**

Về mối quan hệ giữa nhân quyền và hiến pháp, GS. Hoàng Văn Hảo viết: “Chính vai trò giá trị của quyền con người, quyền công dân mà trong tư duy chính trị của nhân loại, vấn đề quyền con người, quyền công dân trở thành một nội dung chính của lịch sử lập hiến. Luật về các quyền của Anh sau Cách mạng 1689, Tuyên ngôn độc lập và Hiến pháp của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp, hiến pháp của tất cả các nước, dù ở chế độ xã hội nào (tư bản, xã hội

chủ nghĩa, các nước đang phát triển) đều có chế định quyền con người, quyền công dân. Đó là nội dung cơ bản nhất của mỗi hiến pháp, nội dung quan trọng đến mức *nếu không có chế định quyền con người, quyền công dân, thì cũng không thể có bản thân hiến pháp, nội dung đó chi phối kết cấu của bản hiến pháp, chế định quyền công dân thường được đặt lên hàng đầu trong hiến pháp của nhiều nước*”<sup>3</sup>.

Trên thế giới có ba cách quy định về quyền con người trong hiến pháp:

*Cách thứ nhất* là quyền con người được quy định trong một văn bản riêng gọi là bản Tuyên ngôn nhân quyền của các nhà nước tư bản phát triển, như Tuyên ngôn nhân quyền năm 1689 của Anh và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp năm 1789. Mặc dù các tuyên ngôn này không được nằm trong nội dung chính của bản văn hiến pháp, nhưng chúng đều được thừa nhận là một phần của nội dung hiến pháp. Tuyên ngôn nhân quyền của Anh là một nguồn quan trọng của hiến pháp bất thành văn của Anh quốc. Lời mở đầu của Hiến pháp năm 1958 hiện hành của Pháp trình trọng tuyên bố: “Nhân dân Pháp trung thành với bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1789”. Điều đó có nghĩa bản tuyên ngôn này như là một nội dung chính của hiến pháp.

*Cách thứ hai*, nhân quyền được quy định thành chương, điều trong nội dung của hiến pháp. Ví dụ: Chương 5 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chương 2 của Hiến pháp Trung Quốc về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chương 2 của Hiến pháp Nga về các quyền và tự do của con người và công dân.

*Cách thứ ba*, nhân quyền không được quy định thành bản Tuyên ngôn riêng rẽ, mà cũng không nằm trong nội dung chính của hiến pháp, mà nằm trong bản phụ trương của hiến pháp, như 10 Tu chính án của Hiến pháp Mỹ.

Dù quy định theo cách nào, các quốc gia đều coi quyền con người là nội dung quan trọng của hiến pháp.

### **3. Quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam năm 1992: một số định hướng cải cách mang tính nguyên tắc**

#### ***3.1. Cải cách việc ghi nhận các quyền con người cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam***

Cải cách cách quy định nhân quyền và quyền con trong Hiến pháp Việt Nam đang là một trong những nhiệm vụ cấp bách chuẩn bị cho công cuộc sửa đổi Hiến pháp sắp tới. Muốn vậy đòi hỏi phải rà soát lại các cách thức quy định hiện hành về quyền con người và quyền công dân trong Hiến pháp.

Cũng như các bản Hiến pháp trước đây, Hiến pháp Việt Nam hiện hành dành riêng Chương V quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Và cũng như nhiều nước trên thế giới, quyền công dân Việt Nam xuất phát từ quyền con người:

*“Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật” (Điều 50).*

Quy định này của Hiến pháp thể chế hóa quan điểm của Đảng “quyền công dân, quyền con người và tự do cá nhân được bảo đảm bằng pháp luật, được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật”<sup>4</sup>.

Nếu như các quyền con người thể hiện ở quyền công dân thì quyền công dân phải là những quyền vốn có của con người mà Nhà nước phải thừa nhận vì quyền con người là những quyền tự nhiên vốn có của con người. Các quy định của Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam về quyền con người có thể “gây” cảm giác rằng quyền con người không phải là quyền vốn có do Tạo hoá ban cho con người với tư cách là con người mà do Nhà nước ban cho người dân. Quy định về quyền công dân thì phải đặt công dân ở vị trí chủ thể, nhưng nhiều quy định về dân quyền trong Hiến pháp Việt Nam hiện hành đa phần đặt Nhà nước ở vị trí chủ thể, còn

công dân như là đối tượng được ban cho quyền chứ không phải được thừa nhận quyền. Chẳng hạn, Điều 60 quy định: “Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến kỹ thuật...” . Điều này có nghĩa Nhà nước thừa nhận công dân có quyền nghiên cứu khoa học. Nếu Nhà nước không công nhận thì người dân không có quyền nghiên cứu khoa học?

Tổng quát hơn, Điều 51 Hiến pháp năm 1992 có nêu: “Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định”. Cách quy định này hoàn toàn khác với Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 của nước ta do Hồ Chủ tịch đọc tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. Đó là những quyền thuộc về tạo hóa ban cho con người, không ai có thể vi phạm.

Trong 33 điều của Chương V về các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, “Nhà nước” với tư cách là chủ thể xuất hiện khá nhiều. Những công thức thường được áp dụng là: “Nhà nước bảo đảm...”; “Nhà nước có kế hoạch...”; “Nhà nước ban hành...”; “Nhà nước quy định”; “Nhà nước giao...”; “Nhà nước có chính sách...”; “Nhà nước tạo điều kiện...”; “Nhà nước bảo hộ...”. Theo những công thức như vậy, Nhà nước như là chủ thể “sáng tạo” ra quyền con người chứ không phải là chủ thể “tôn trọng” quyền con người. Chúng ta cần hiểu rằng, Nhà nước không chỉ có nghĩa vụ bảo đảm, thực hiện, thúc đẩy quyền con người mà đầu tiên, Nhà nước phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền con người. Nghĩa vụ tôn trọng đòi hỏi các Nhà nước phải kiềm chế không can thiệp vào việc thụ hưởng các quyền của cá nhân<sup>5</sup>.

Việc quy định quyền con người trong hiến pháp là để xác lập một ranh giới cho sự can thiệp của công quyền, tạo lập một khu vực cấm đối với công quyền. Nền như Nhà nước được đặt ở vị trí chủ thể trong các quy định về dân quyền theo Hiến pháp hiện hành thì công dân lại được đặt ở vị trí chủ thể trong Hiến pháp năm 1946, ví dụ: “tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền...”; “những quốc dân

thiểu số được giúp đỡ...”; “Đàn bà ngang quyền với đàn ông...”; “Công dân Việt Nam có quyền...”.

Muốn cho quyền hiến định của công dân có thể thực hiện được trên thực tế và được công dân sử dụng để bảo vệ mình thì việc quy định về dân quyền phải theo nguyên tắc xác định dân quyền là khu vực cấm đối với công quyền, công quyền phải thừa nhận dân quyền chứ không phải ban cho công dân quyền cơ bản, ví dụ như: “Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam” (Điều 11 Hiến pháp Việt Nam năm 1946). Nhìn chung, các quy định của Hiến pháp năm 1992 của nước ta về dân quyền thì phần quy định về quyền tự do cá nhân khả thi vì được ấn định theo nguyên tắc xác định các quyền này như là khu vực cấm đối với công quyền. Ví dụ: “Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân” (Điều 71); “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép” (Điều 73)...

Cách thể hiện quyền công dân và quyền con người của Hiến pháp Mỹ mang tư duy hoàn toàn khác Hiến pháp hiện hành của nước ta. Quyền con người không do nhà nước ban phát, mà luôn luôn là tồn tại mặc nhiên. Nhà nước phải có nghĩa vụ ngăn chặn sự vi phạm từ bất kể chủ thể nào. Ví dụ, về quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, Hiến pháp Mỹ quy định tại Tu chính án thứ nhất như sau: “Quốc hội sẽ không được ban hành một đạo luật nào nhằm thiết lập tôn giáo, hoặc ngăn cấm tự do tín ngưỡng, hạn chế tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền của dân chúng được hội họp ôn hoà và kiến nghị lên Chính phủ các điều thỉnh cầu, để bày tỏ những nỗi bất bình của họ”. Tu chính án này không nhằm mục đích ban cho người dân quyền tự do tín ngưỡng hay quyền tự do báo chí, mà chỉ ngăn cấm việc Quốc hội thông qua những đạo luật can thiệp vào quyền tự do ngôn luận, tự do tín

ngưỡng. Cá nhân thì được tự do, chính quyền thì chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Quyền bất khả xâm phạm thân thể và tài sản của họ được quy định tại Tu chính án thứ 3, 4: “Quyền của các công dân được bảo đảm về bản thân, nhà cửa, giấy tờ, và tài sản, chống mọi sự khám xét và tịch thu vô lý, sẽ không bị vi phạm, và không một trát khám nhà nào sẽ được cấp nếu không có lý do chính đáng, không được lời tuyên thệ hoặc xác nhận làm sáng rõ, và nếu trát đó không mô tả rõ ràng nơi cần khám xét và người và vật bị bắt giữ...”. “Không ai có thể buộc phải chịu trách nhiệm về một trọng tội, hay một tội xấu xa khác, nếu không có một quyết định cáo trạng do một bồi thẩm đoàn đưa ra, trừ trường hợp xảy ra trong lục quân, hải quân, hoặc trong lực lượng dân quân dự bị, khi đang thi hành công vụ trong thời chiến, hoặc trong tình trạng báo động. Không một ai có thể bị kết án hai lần về cùng một tội. Không một ai có thể bị ép buộc làm chứng chống lại bản thân mình trong một vụ án hình sự và bị tước đoạt sinh mạng, tự do hoặc tài sản, nếu không có một quá trình xét xử theo đúng luật. Không một tài sản tư hữu nào bị trưng dụng vào việc công mà không được bồi thường thích đáng”.

### ***3.2. Cải cách việc quy định nguyên tắc tôn trọng quyền con người***

Hiến pháp năm 1980 của nước ta mới quy định nguyên tắc tôn trọng quyền con người tại Điều 54: “Quyền và nghĩa vụ của công dân thể hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, kết hợp hài hoà những yêu cầu của cuộc sống xã hội với tự do chân chính của cá nhân, bảo đảm sự nhất trí về lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và cá nhân theo nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người.

Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội”.

Hiến pháp năm 1992 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc này một cách cô đọng hơn tại điều 50, 51 như đã nêu. Nguyên tắc tôn trọng quyền con người rất quan trọng, nó thể hiện thái độ, chính sách của nhà nước về quyền con người. Nhưng rất đáng tiếc, như đã phân tích ở phần trên, cách ghi nhận của hai điều này mang tư duy “ban phát” quyền con người - đi ngược với triết lý về sự tồn tại của quyền con người.

Trong khi đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 đã quy định theo một cách khác, khẳng định tại Điều 2: “1. Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm thực thi những quyền được nhìn nhận trong Công ước cho tất cả mọi người sống trong lãnh thổ và thuộc thẩm quyền quốc gia, không phân biệt chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác”. Quy định ghi nhận nguyên tắc các quốc gia phải tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người cho tất cả mọi người không có sự phân biệt.

Đối chiếu với Hiến pháp của một số nước khác, chúng ta thấy sự khác biệt rất lớn so với Việt Nam. Ví dụ, Hiến pháp Mỹ: Điều bổ sung sửa đổi thứ 9 Quyền của nhân dân có nêu: “Việc liệt kê một số quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp những quyền khác của người dân”. Điều bổ sung sửa đổi thứ 14 Quyền công dân đã quy định tại Khoản 1 rằng: “Không một bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Cũng không một bang nào có thể tước đoạt sinh mệnh, tự do hoặc tài sản của một cá nhân mà không theo một quy trình do luật định”.

Còn Điều 55 Hiến pháp Liên bang Nga quy định: “1. Việc liệt kê các quyền và tự do cơ bản trong Hiến pháp Liên bang Nga không có nghĩa vụ là phủ nhận hoặc



xem nhẹ các quyền và tự do khác của con người và công dân đã được thừa nhận rộng rãi.

2. Ở Liên bang Nga không được ban hành những đạo luật tước bỏ hoặc xem nhẹ các quyền và tự do của con người và công dân”.

Như vậy, hai Hiến pháp trên đã khẳng định những nguyên tắc rất tiến bộ: việc liệt kê một số quyền trong Hiến pháp không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp những quyền khác của người dân và nhà nước không được ban hành những đạo luật tước bỏ quyền con người một cách bất hợp pháp.

Từ những sự phân tích và so sánh trên, chúng tôi cho rằng, nguyên tắc tôn trọng quyền con người trong Hiến pháp năm 1992 của nước ta cần thay đổi căn bản nhằm thể hiện tư duy đúng đắn hơn.

### ***3.3. Bổ sung nguyên tắc giới hạn quyền con người***

Trong một số hoàn cảnh nhất định, để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước có thể hạn chế quyền con người ở mức độ chấp nhận được. Tuy nhiên, nhằm phòng tránh sự lạm dụng quyền lực của Nhà nước, Hiến pháp phải quy định nguyên tắc giới hạn quyền con người.

Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người năm 1948 đề cập đến vấn đề này như sau: “Điều 29: (1) Mọi người đều có nhiệm vụ đối với cộng đồng nào mà chỉ trong đó mới thực hiện được việc phát triển toàn vẹn và tự do nhân cách của mình.

(2) Trong việc hành xử nhân quyền và thụ hưởng tự do, mọi người chỉ phải chịu những hạn chế do luật định - và những hạn chế này chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền, và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự công cộng, và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ.

(3) Trong bất cứ trường hợp nào, nhân quyền và những quyền tự do này cũng không được hành xử trái với những mục tiêu và nguyên tắc của Liên hiệp quốc.

Điều 30: Không một điều nào trong Bản Tuyên ngôn này cho phép một nước, một nhóm hay một cá nhân nào được quyền vi phạm bất cứ lý do gì để có những việc làm hay hành động nhằm hủy diệt nhân quyền và tự do được thừa nhận trong bản Tuyên ngôn này”.

Như vậy, Tuyên ngôn đã khẳng định một nguyên tắc rất quan trọng: “Trong việc hành xử nhân quyền và thụ hưởng tự do, mọi người chỉ phải chịu những hạn chế do luật định - và những hạn chế này chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền, và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự công cộng, và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ”.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 tại Điều 4 cũng nêu: “1. Trong khi tuyên bố tình trạng khẩn trương công cộng vì lý do quốc gia bị đe dọa, Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này có thể ban hành một số biện pháp đình chỉ thi hành các nghĩa vụ của quốc gia ấn định trong Công ước này. Tuy nhiên, những biện pháp này phải có tính cách thật cần thiết vì nhu cầu của tình thế, và không vi phạm các nghĩa vụ của quốc gia phát sinh từ luật pháp quốc tế, và cũng không được dùng để kỳ thị chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo hay nguồn gốc xã hội”.

Và cuối cùng, Điều 4 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội năm 1966 cũng quy định: “Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này nhìn nhận rằng, về việc hành xử những quyền ghi trong Công ước, họ chỉ có thể ấn định các giới hạn luật định phù hợp với bản chất của những quyền này và chỉ nhằm mục đích phát huy sự an lạc chung trong một xã hội dân chủ”.